

Số: 34/2023/QĐST-KDTM

Thành phố Huế, ngày 25 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2022/TLST-KDTM ngày 09 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**; địa chỉ: 194 đường K, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Mộng Th, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: 41 đường V, phường Ph, thành phố H (Theo Quyết định uỷ quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021).

Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thái L, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng 3 – Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: 41 đường V, phường Ph, thành phố H (Theo Quyết định uỷ quyền số 1292/QĐ-BIDV.TTH ngày 20/12/2021).

- Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải M**; địa chỉ: 152 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng S, chức vụ: Giám đốc.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Bảo C, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư BC; địa chỉ: 44 đường Th, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1959; nơi thường trú: 152 đường N, phường T, thành phố H; địa chỉ liên lạc: Lô D9, LK2, Khu A, Khu đô thị mới V,

phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Anh Trương Tuấn M, sinh năm 1983; nơi thường trú: 152 đường N, phường T, thành phố H; địa chỉ liên lạc: Lô D9, LK2, Khu A, Khu đô thị mới V, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Lê Thị Quỳnh Th, sinh năm 1983; nơi thường trú: 60 đường C, phường T2, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Lô D9, LK2, Khu A, Khu đô thị mới V, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Trương Mỹ L, sinh năm 1992; nơi thường trú: 152 đường N, phường T, thành phố H; địa chỉ liên lạc: Lô D9, LK2, Khu A, Khu đô thị mới V, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Trương Mỹ L: Anh Trương Tuấn M, sinh năm 1983; nơi thường trú: nơi thường trú: 152 đường N, phường T, thành phố H; địa chỉ liên lạc: Lô D9, LK2, Khu A, Khu đô thị mới V, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giấy uỷ quyền ngày 29 tháng 11 năm 2023).

+ Bà Võ Thị S1, anh Đặng Vũ Kh, anh Đặng Võ Ph, anh Đặng Võ H; cùng địa chỉ: 30 đường S, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Võ Thị S1, anh Đặng Vũ Kh, anh Đặng Võ h: Anh Đặng Võ H (Các Giấy uỷ quyền ngày 01 tháng 8 năm 2023).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và phương thức thanh toán:

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 29/7/2019 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể đã được Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Thừa Thiên Huế và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ vận tải M ký kết dưới đây:

1	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 20/11/2019, số tiền 90.000.000 đồng
2	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 22/11/2019, số tiền 85.000.000 đồng
3	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 25/11/2019, số tiền 80.000.000 đồng
4	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 28/11/2019, số tiền 65.000.000 đồng
5	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 02/12/2019, số tiền 140.000.000 đồng
6	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 05/12/2019, số tiền 120.000.000 đồng
7	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 09/12/2019, số tiền 75.000.000 đồng
8	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 10/12/2019, số tiền 85.000.000 đồng

9	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 08/12/2019, số tiền 80.000.000 đồng
10	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 12/12/2019, số tiền 140.000.000 đồng
11	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 16/12/2019, số tiền 180.000.000 đồng
12	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 17/12/2019, số tiền 120.000.000 đồng
13	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 17/12/2019, số tiền 150.000.000 đồng
14	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 19/12/2019, số tiền 200.000.000 đồng
15	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 20/12/2019, số tiền 160.000.000 đồng
16	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 20/12/2019, số tiền 95.000.000 đồng
17	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 24/12/2019, số tiền 150.000.000 đồng
18	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 25/12/2019, số tiền 133.000.000 đồng
19	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 26/12/2019, số tiền 141.000.000 đồng
20	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 26/12/2019, số tiền 2.000.000.000 đồng
21	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 26/12/2019, số tiền 2.010.000.000 đồng
22	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 27/12/2019, số tiền 200.000.000 đồng
23	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 27/12/2019, số tiền 2.000.000.000 đồng
24	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 27/12/2019, số tiền 2.060.000.000 đồng
25	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 31/12/2019, số tiền 895.000.000 đồng
26	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 31/12/2019, số tiền 257.000.000 đồng
27	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 20/01/2020, số tiền 2.000.000.000 đồng

28	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 20/01/2020, số tiền 2.015.000.000 đồng
29	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 21/01/2020, số tiền 800.000.000 đồng
30	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 21/01/2020, số tiền 500.000.000 đồng
31	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 21/01/2020, số tiền 173.000.000 đồng
32	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 22/01/2020, số tiền 900.000.000 đồng
33	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 22/01/2020, số tiền 173.000.000 đồng
34	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 22/01/2020, số tiền 700.000.000 đồng
35	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 03/02/2020, số tiền 110.000.000 đồng
36	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 04/02/2020, số tiền 200.000.000 đồng
37	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 07/02/2020, số tiền 135.000.000 đồng
38	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 10/02/2020, số tiền 135.000.000 đồng
39	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 11/02/2020, số tiền 120.000.000 đồng
40	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 13/02/2020, số tiền 120.000.000 đồng
41	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 13/02/2020, số tiền 250.000.000 đồng
42	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 14/02/2020, số tiền 200.000.000 đồng
43	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 14/02/2020, số tiền 85.000.000 đồng
44	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 17/02/2020, số tiền 135.000.000 đồng
45	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 18/02/2020, số tiền 130.000.000 đồng
46	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 19/02/2020, số tiền 1.100.000.000 đồng

47	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 19/02/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng
48	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 19/02/2020, số tiền 100.000.000 đồng
49	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 20/02/2020, số tiền 1.900.000.000 đồng
50	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 20/02/2020, số tiền 1.800.000.000 đồng
51	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 20/02/2020, số tiền 125.000.000 đồng
52	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 21/02/2020, số tiền 580.000.000 đồng
53	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 21/02/2020, số tiền 400.000.000 đồng
54	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 21/02/2020, số tiền 165.000.000 đồng
55	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 24/02/2020, số tiền 670.000.000 đồng
56	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 24/02/2020, số tiền 160.000.000 đồng
57	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 24/02/2020, số tiền 300.000.000 đồng
58	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 25/02/2020, số tiền 65.000.000 đồng
59	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 05/03/2020, số tiền 82.000.000 đồng
60	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 09/03/2020, số tiền 99.000.000 đồng
61	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 10/03/2020, số tiền 50.000.000 đồng
62	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 12/03/2020, số tiền 65.000.000 đồng
63	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 13/03/2020, số tiền 50.000.000 đồng
64	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 24/03/2020, số tiền 45.000.000 đồng
65	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 26/03/2020, số tiền 41.000.000 đồng

66	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 30/03/2020, số tiền 41.000.000 đồng
67	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 30/03/2020, số tiền 850.000.000 đồng
68	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 30/03/2020, số tiền 955.000.000 đồng
69	Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/5973235/HĐTD ngày 31/03/2020, số tiền 100.000.000 đồng

Các bên đương sự xác nhận tính đến ngày 15/12/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ vận tải M còn nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền **38.668.617.476 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng)**; Trong đó nợ gốc: 26.986.040.000 đồng; nợ lãi trong hạn 8.084.608.654 đồng; nợ lãi quá hạn 3.597.968.822 đồng.

Các bên đương sự thoả thuận Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ vận tải M có nghĩa vụ trả hết số tiền **38.668.617.476 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng)** cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B trong thời gian từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 cho đến hết ngày 05 tháng 5 năm 2024 và khoản tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 16/12/2023 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ.

2.2. Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ vận tải M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại địa chỉ 8/16B (nay là 152) đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 330103, hồ sơ gốc số 130/02/69 do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trương Đình T2 và bà Nguyễn Thị Hồng S vào ngày 08/7/2000, được các bên ký thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho bên thứ ba số 01/2014/5973235/HĐBĐ ngày 10/9/2014, công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Thanh với số công chứng là 2916, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Huế ngày 10/9/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho bên thứ ba số 01/2014/5973235/HĐBĐ ngày 10/9/2014, số 01/2017/5973235/SĐBS ngày 04/8/2017, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Thanh với số công chứng là 4277, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 983, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại địa chỉ Lô D7, LK2, Khu A, Khu đô thị mới V, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 378045, số vào sổ cấp giấy: CS/03695-2019 22-005 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trương Tuấn M và bà Lê Thị Quỳnh Th vào ngày 19/4/2019, được các bên ký thể chấp theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 02/2019/5973235/HĐBB ngày 13/5/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Thanh với số công chứng là 3849, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế ngày 16/5/2019.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 762, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại địa chỉ Lô D9, LK2, Khu A, Khu đô thị mới V, phường Đ, thành phố H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 378129, số vào sổ cấp giấy: CS/03696-2019 22-006 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Trương Đình T2 và bà Nguyễn Thị Hồng S vào ngày 19/4/2019, được các bên ký thể chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/5973235/HĐBB ngày 14/5/2019, công chứng tại Văn phòng Công chứng Nam Thanh với số công chứng là 3891, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế ngày 20/5/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ vận tải M vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại cổ phần B tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

2.4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% án phí, cụ thể số tiền án phí: $[112.000.000 \text{ đồng} + (0.1\% \times 34.668.617.476 \text{ đồng})] \times 50\% = 73.334.309 \text{ đồng}$, làm tròn thành 73.334.000 đồng.

- Các bên thoả thuận Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ vận tải M chịu toàn bộ án phí 73.334.000 đồng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 70.267.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000902 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú